

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN IA PA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 194 /TTr-UBND

Ia Pa, ngày 05 tháng 12 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v phân bổ vốn sự nghiệp năm 2024 thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Kính gửi: HĐND huyện khóa V - Kỳ họp thứ Mười lăm.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Trên cơ sở căn cứ số liệu UBND tỉnh Gia Lai trình HĐND tỉnh Gia Lai tại Tờ trình số 3218/TTr-UBND ngày 19/11/2023 về việc đề nghị phân bổ dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh 2024;


UBND huyện kính trình HĐND huyện Ia Pa khóa V - Kỳ họp thứ Mười lăm xem xét, quyết định về phân bổ vốn sự nghiệp năm 2024 thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, cụ thể như sau:

Tổng vốn sự nghiệp năm 2024 thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Ia Pa là 14.002 triệu đồng. Trong đó:


+ Vốn NSTW: 13.117 triệu đồng.

+ Vốn ngân sách huyện (nguồn sự nghiệp kinh tế): 885 triệu đồng.

(Chi tiết có các biểu phụ lục kèm theo).

Ủy ban nhân dân huyện kính trình HĐND huyện khóa V - Kỳ họp thứ Mười lăm xem xét, quyết định. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Huyện ủy (b/c);
- Thường trực HĐND huyện (b/c);
- Các vị đại biểu HĐND huyện;
- Ban KT-XH HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Phòng TCKH; DT;
- Lưu VT. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Văn Trường

BẢNG TỔNG HỢP PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN DTTS&MN NĂM 2024 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

(Kèm theo Tờ trình số 194/TTr-UBND ngày 05/12/2023 của UBND huyện Ia Pa)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên Dự án	Tổng vốn sự nghiệp	Trong đó	
			NSTW	NS huyện
Tổng kinh phí		14.002	13.117	885
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	3.294	3.294	-
1.1	Nội dung 3: Hỗ trợ chuyển đổi nghề	2.610	2.610	-
1.2	Nội dung 4: Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	684	684	-
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở những nơi cần thiết (Dự án sắp xếp, bố trí ổn định dân cư xã Pờ Tô)	87	87	-
3	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	5.062	4.833	229
3.1	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	589	589	-
3.2	Tiểu dự án 2 - Nội dung 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	3.952	3.770	182
3.3	Tiểu dự án 2 - Nội dung 3: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN	521	474	47
4	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN	1.113	811	302
4.1	Tiểu dự án 1 - Nội dung 1: Đầu tư CSHT thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng ĐB DTTS&MN	1.113	811	302
5	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	1.934	1.707	227
5.1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS	804	577	227
5.2	Tiểu dự án 2 - Nội dung 1: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	300	300	-
5.3	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	830	830	-
6	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	1.709	1.621	88
7	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù	312	298	14
7.1	Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN	312	298	14
8	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	491	466	25
8.1	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng ĐB DTTS&MN	342	322	20
8.2	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN	64	64	-
8.3	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	85	80	5

**PHẦN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTOQ PHÁT TRIỂN KINH TẾ
- XÃ HỘI VÙNG ĐÔNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2024**

(Kèm theo Tờ trình số 104/TTr-UBND ngày 20/12/2023 của UBND huyện Ia Pa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đề xuất đơn vị thực hiện	Tổng cộng Dự án 1, 2			Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt						Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở những nơi cần thiết					
		Tổng vốn	NSTW huyện	NS huyện	Tổng vốn	Tổng vốn	NSTW huyện	NS huyện	Tổng vốn	Tổng vốn	NSTW huyện	NS huyện	Tổng vốn	Tổng vốn	NSTW huyện	NS huyện
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	Tổng cộng I+II	6.675	6.675	-	3.294	3.294	-	2.610	2.610	-	684	684	-	87	87	-
I	Các đơn vị cấp huyện	87	87	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	87	87	-
1	Ban QLDA đầu tư XD huyện	87	87	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	87	87	-
II	UBND các xã	6.588	6.588	-	3.294	3.294	-	2.610	2.610	-	684	684	-	-	-	-
1	Ia Pờ Tô	1.740	1.740	-	870	870	-	690	690	-	180	180	-	-	-	-
2	Chư Răng	378	378	-	189	189	-	150	150	-	39	39	-	-	-	-
3	Kim Tân	150	150	-	75	75	-	60	60	-	15	15	-	-	-	-
4	Ia Mron	404	404	-	202	202	-	160	160	-	42	42	-	-	-	-
5	Ia Trok	984	984	-	492	492	-	390	390	-	102	102	-	-	-	-
6	Ia Broái	860	860	-	430	430	-	340	340	-	90	90	-	-	-	-
7	Ia Tul	280	280	-	140	140	-	110	110	-	30	30	-	-	-	-
8	Chư Mố	880	880	-	440	440	-	350	350	-	90	90	-	-	-	-
9	Ia Kóám	912	912	-	456	456	-	360	360	-	96	96	-	-	-	-

**PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỌC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÙNG ĐỒNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2024**

(Kèm theo Tờ trình số 194/TT-UBND ngày 05/11/2023 của UBND huyện Ia Pa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đề xuất đơn vị thực hiện (xã)	Tổng cộng Dự án 3, 4			Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị												Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN					
		Tổng vốn	NSTW	NS huyện	Tổng cộng Dự án 3			Tiêu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân (Phụ lục số 09)			Nội dung 1-Tiêu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị (Phụ lục số 10)			Nội dung 3-Tiêu dự án 2: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN (Phụ lục số 11)			Nội dung 1 - Tiêu dự án 1: Đầu tư CSHT thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng ĐB DTTS&MN (Phụ lục số 12)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20			
	Tổng cộng	6.175	5.644	531	5.062	4.833	229	589	589	-	3.952	3.770	182	521	474	47	1.113	811	302			
1	Pờ Tô	1.199	1.108	91	993	958	35	225	225	-	768	733	35	-	-	-	206	150	56			
2	Chư Răng	992	907	85	797	765	32	97	97	-	700	668	32	-	-	-	195	142	53			
3	Kim Tân	312	281	31	237	226	11	-	-	-	237	226	11	-	-	-	75	55	20			
4	Ia Mron	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
5	Ia Trok	624	561	63	474	452	22	-	-	-	474	452	22	-	-	-	150	109	41			
6	Ia Broái	976	884	92	770	734	36	-	-	-	770	734	36	-	-	-	206	150	56			
7	Ia Tul	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
8	Chư Mố	312	281	31	237	226	11	-	-	-	237	226	11	-	-	-	75	55	20			
9	Ia Kdăm	1.760	1.622	138	1.554	1.472	82	267	267	-	766	731	35	521	474	47	206	150	56			

**PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÙNG ĐÔNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2024**

(Kèm theo Tờ trình số 194 /TTT-UBND ngày 05/12/2023 của UBND huyện Ia Pa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đề xuất đơn vị thực hiện (cấp huyện)	Tổng cộng Dự án 9,			Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình			Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình			Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình											
		Tổng vốn	NSTW huyện	NS huyện	Tổng vốn	NSTW huyện	NS huyện	Tổng vốn	NSTW huyện	NS huyện	Tổng vốn	NSTW huyện	NS huyện									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
Tổng cộng		803	764	39	312	298	14	312	298	14	491	466	25	342	322	20	64	64	85	80	5	
1	Phòng Dân tộc	568	539	29	312	298	14	312	298	14	256	241	15	171	161	10	-	-	85	80	5	
2	Phòng Tư Pháp	171	161	10	-	-	-	-	-	-	171	161	10	171	161	10	-	-	-	-	-	-
3	Phòng Văn hoá và Thông tin	64	64	-	-	-	-	-	-	-	64	64	-	-	-	-	64	64	-	-	-	-

**KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024; DỰ ÁN 1: GIẢI QUYẾT TÌNH TRẠNG THIẾU ĐẤT Ở, NHÀ Ở,
ĐẤT SẢN XUẤT, NƯỚC SINH HOẠT**

(Kèm theo Tờ trình số 104/TTr-UBND ngày 05/12/2023 của UBND huyện Ia Pa)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Đề xuất đơn vị thực hiện (xã)	Vốn sự nghiệp TW					
		1. Hỗ trợ chuyển đổi nghề (TW10 trđ/hộ, vay vốn tối đa 100tr/hộ)		2. Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán (TW 3 trđ/hộ)		Vốn sự nghiệp TW	
		Số lượng (hộ)	Vốn sự nghiệp	Số lượng (hộ)	Vốn sự nghiệp		
1	2	3	4	5	6	7	
	Tổng cộng	261	2.610	228	684	3.294	
1	Pờ Tô	69	690	60	180	870	
2	Chư Răng	15	150	13	39	189	
3	Kim Tân	6	60	5	15	75	
4	Ia Mron	16	160	14	42	202	
5	Ia Trok	39	390	34	102	492	
6	Ia Broãi	34	340	30	90	430	
7	Ia Tul	11	110	10	30	140	
8	Chư Mố	35	350	30	90	440	
9	Ia Kdăm	36	360	32	96	456	

**KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024: DỰ ÁN 2: QUY HOẠCH, SẮP XẾP,
BỐ TRÍ ỔN ĐỊNH DÂN CƯ Ở NHỮNG NƠI CẦN THIẾT**

(Kèm theo Tờ trình số 194 /TT-UBND ngày 05/12/2023 của UBND huyện Ia Pa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đề xuất đơn vị thực hiện	Danh mục/phương án	Năm 2024		
			Tổng vốn	NSTW	NS huyện
1	2	3	4	5	6
Tổng cộng			87	87	0
1	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Dự án sắp xếp, bố trí ổn định dân cư xã Pờ Tô	87	87	0

KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024: DỰ ÁN 3 - TIÊU DỰ ÁN 1: PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG, LÂM NGHIỆP BỀN VỮNG GẮN VỚI BẢO VỆ RỪNG VÀ NÂNG CAO THU NHẬP CHO NGƯỜI DÂN

(Kèm theo Tờ trình số 194/TT-UBND ngày 05/12/2023 của UBND huyện Ia Pa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đề xuất đơn vị thực hiện (xã)	Vốn sự nghiệp												Năm 2024			
		Tổng số điểm theo tiêu chí	1. Tiêu chí hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ (0,004đ/ha)		2. Tiêu chí hỗ trợ bảo vệ rừng quy hoạch rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình (0,004đ/ha)		3. Tiêu chí hỗ trợ trợ khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung (0,016đ/ha)		4. Tiêu chí hỗ trợ trồng rừng sản xuất, khai thác kinh tế dưới tán rừng và phát triển LSNG (0,1đ/ha)		5. Tiêu chí hỗ trợ trồng rừng phòng hộ (0,3đ/ha)		6. Tiêu chí gạo trợ cấp trồng rừng cho hộ nghèo tham gia trồng rừng sản xuất, phát triển LSNG, rừng phòng hộ (0,12đ/tấn gạo)		Tổng vốn	NSTW	NS huyện
			Số lượng (ha)	Điểm	Số lượng (ha)	Điểm	Số lượng (ha)	Điểm	Số lượng (ha)	Điểm	Số lượng (ha)	Điểm	Số lượng (tấn gạo)	Điểm			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	Tổng cộng	5,887	40,00	0,16	803,65	3,215	-	-	10,0	1,0	-	-	12,600	1,512	589	589	-
1	Pò Tô	2,247	-	-	561,66	2,247	-	-	-	-	-	-	-	-	225	225	-
2	Chư Răng	0,968	-	-	241,99	0,968	-	-	-	-	-	-	-	-	97	97	-
3	Kim Tân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Ia Mron	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5	Ia Trok	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6	Ia Broái	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Ia Tul	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8	Chư Mố	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
9	Ia Kdam	2,672	40,000	0,160	-	-	-	-	10,0	1,0	-	-	12,600	1,512	267	267	-

**KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024: DỰ ÁN 3 - TIÊU DỰ ÁN 2 - NỘI DUNG 1:
HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ**

(Kèm theo Tờ trình số 194 /TTr-UBND ngày 05/12/2023 của UBND huyện Ia Pa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Đề xuất đơn vị thực hiện (xã)	Vốn sự nghiệp										Năm 2024		
		Tổng số điểm theo tiêu chí	1. Tiêu chí xã ĐBK (28điểm/xã)		2. Tiêu chí thôn ĐBK (5điểm/xã)		Tiêu chí ưu tiên: tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBK (0,15điểm/1%)			Tổng vốn	NSTW	NS huyện		
			Số lượng (xã)	Điểm	Số lượng (xã)	Điểm	Số lượng (xã)	Điểm	Điểm					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12			
	Tổng cộng	166,91	4,00	112,00	8,00	40,00	99,38	14,91	3.952	3.770	182			
1	Pờ Tô	32,45	1	28	-	-	29,64	4,45	768	733	35			
2	Chư Răng	29,58	1	28	-	-	10,54	1,58	700	668	32			
3	Kim Tân	10,00	-	-	2	10	-	-	237	226	11			
4	Ia Mron	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
5	Ia Trok	20,00	-	-	4	20	-	-	474	452	22			
6	Ia Broái	32,52	1	28	-	-	30,13	4,52	770	734	36			
7	Ia Tul	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
8	Chư Mố	10,00	-	-	2	10	-	-	237	226	11			
9	Ia Kđăm	32,36	1	28	-	-	29,07	4,36	766	731	35			

**KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024: DỰ ÁN 3 - TIÊU DỰ ÁN 2 - NỘI DUNG 3:
THỨC ĐẨY KHỞI SỰ KINH DOANH, KHỞI NGHIỆP VÀ THU HÚT ĐẦU TƯ VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN**
(Kèm theo Tờ trình số 104/TTr-UBND ngày 05/12/2023 của UBND huyện Ia Pa).

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đề xuất đơn vị thực hiện (xã)	Vốn sự nghiệp									Năm 2024		
		Tổng số điểm theo tiêu chí	1. Tiêu chí xã ĐBKK (28điểm/xã)		2. Tiêu chí thôn ĐBKK (5điểm/xã)		Tiêu chí ưu tiên: tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK (0,15điểm/1%)			Tổng vốn	NSTW	NS huyện	
			Số lượng (xã)	Điểm	Số lượng (xã)	Điểm	Số lượng (xã)	Điểm					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12		
Tổng cộng		32,36	1,00	28,00	-	-	29,07	4,36	521	474	47		
1	Ia Kdăm	32,36	1	28	-	-	29,07	4,36	521	474	47		

**KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024: DỰ ÁN 4 - TIÊU DỤ 1- NỘI DUNG 1: ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU,
PHỤC VỤ SẢN XUẤT ĐÒI SÓNG TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI**
(Kèm theo Tờ trình số 194/TTr-UBND ngày 05/12/2023 của UBND huyện Ia Pa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đề xuất đơn vị thực hiện (xã)	Vốn sự nghiệp										Năm 2024		
		Tổng số điểm theo tiêu chí	1. Tiêu chí xã ĐBKK (9điểm/xã)		2. Tiêu chí thôn ĐBKK (1,8điểm/xã)		3. Tiêu chí ưu tiên: tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK (0,03điểm/1%)		Tổng vốn	NSTW	NS huyện			
			Số lượng (xã)	Điểm	Số lượng (xã)	Điểm	Số lượng (xã)	Điểm						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12			
	Tổng cộng	53,38	4,00	36,00	8,00	14,40	99,38	2,98	1.113	811	302			
1	Pờ Tô	9,89	1,00	9,00	-	-	29,64	0,89	206	150	56			
2	Chư Răng	9,32	1,00	9,00	-	-	10,54	0,32	195	142	53			
3	Kim Tân	3,60	-	-	2,00	3,60	-	-	75	55	20			
4	Ia Mron	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
5	Ia Trok	7,20	-	-	4,00	7,20	-	-	150	109	41			
6	Ia Broãi	9,90	1,00	9,00	-	-	30,13	0,90	206	150	56			
7	Ia Tul	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
8	Chư Mố	3,60	-	-	2,00	3,60	-	-	75	55	20			
9	Ia Kđăm	9,87	1,00	9,00	-	-	29,07	0,87	206	150	56			

KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024: DỰ ÁN 5 - TIÊU DỰ ÁN 1: ĐỔI MỚI HOẠT ĐỘNG, CÙNG CỐ PHÁT TRIỂN CÁC TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC BẢN TRÚ, TRƯỜNG PHỔ THÔNG CÓ HỌC SINH Ở BẢN TRÚ VÀ XÓA MÙ CHỮ CHO NGƯỜI DÂN VÙNG ĐÔNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ

(Kèm theo Tờ trình số 194/TTTr-UBND ngày 05/12/2023 của UBND huyện Ia Pa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đề xuất đơn vị thực hiện	Vốn sự nghiệp										Năm 2024		
		Tổng số điểm theo tiêu chí	1. Tiêu chí Mỗi người học xóa mù chữ 0,5đ		2. Tiêu chí Mỗi lớp học xóa mù chữ 10đ		3. Tiêu chí Mỗi bộ TL, SGK, VPP phát cho người học 0,05đ		4. Tiêu chí Mỗi đơn vị mua sắm trang thiết bị 500đ		Tổng vốn	NSTW	NS huyện	
		Số lượng (người)	Điểm	Số lượng (lớp)	Điểm	Số lượng (bộ)	Điểm	Số lượng (đơn vị)	Điểm					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
Tổng cộng		254,55	281,00	140,50	10,00	100,00	281,00	14,05	1	500	804	577	227	
1	Trường THCS Dân tộc Nội trú huyện	0	0	0	0	0	0	0	1	500	227	0	227	
2	Phòng Giáo dục và Đào tạo	254,55	281,00	140,50	10,00	100,00	281,00	14,05	0	0	577	577	0	

KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024: DỰ ÁN 5 - TIÊU DỰ ÁN 2 - NỘI DUNG 1: BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC DÂN TỘC

(Kèm theo Tờ trình số 194 /TTr-UBND ngày 05/12/2023 của UBND huyện Ia Pa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đề xuất đơn vị thực hiện	Vốn sự nghiệp			Năm 2024		
		Tổng số điểm theo tiêu chí	1. Tiêu chí vùng đồng bào DTTS&MN (0,204đ/xã) Số lượng (xã)	Điểm	Tổng vốn	NSTW	NS huyện
1	2	3	4	5	6	7	8
Tổng cộng		1,84	9	1,84	300	300	-
1	Phòng Dân tộc	1,84	9	1,84	300	300	-

KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024: DỰ ÁN 5 - TIÊU DỰ ÁN 4 : ĐÀO TẠO NÂNG CAO NĂNG LỰC CHO CỘNG ĐỒNG VÀ CÁN BỘ TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH Ở CÁC CẤP

(Kèm theo Tờ trình số 194 /TTr-UBND ngày 05/12/2023 của UBND huyện Ia Pa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đề xuất đơn vị thực hiện	Vốn sự nghiệp						Năm 2024		
		Tổng số điểm theo tiêu chí	1.Tiêu chí xã ĐBKK (15đ/xã)		2.Tiêu chí thôn ĐBKK không thuộc xã KV III (1,5đ/thôn)		Tổng vốn	NSTW	NS huyện	
			Số lượng (xã)	Điểm	Số lượng (thôn)	Điểm				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
Tổng cộng		72	4	60,00	8	12,00	830	830	-	
1	Phòng Dân tộc	72	4	60,00	8	12,00	830	830	-	

KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024: DỰ ÁN 8: THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ CẤP THIẾT ĐỐI VỚI PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM

(Kèm theo Tờ trình số 194 /TTr-UBND ngày 05/12/2023 của UBND huyện Ia Pa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đề xuất đơn vị thực hiện	Vốn sự nghiệp						Năm 2024			
		Tổng số điểm theo tiêu chí	1. Tiêu chí xã ĐBK (10đ/xã)		2. Tiêu chí thôn ĐBK không thuộc xã KV III (2đ/thôn)		3. Tiêu chí xã ĐBK đồng thời là xã BG (1đ/xã)		Tổng vốn	NSTW	NS huyện
			Số lượng (xã)	Điểm	Số lượng (thôn)	Điểm	Số lượng (xã)	Điểm			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng cộng	56,00	4,00	40,00	8,00	16,00	0	0	1.709	1.621	88
1	Hội LH Phụ nữ huyện	56,00	4	40,00	8	16,00	0	0	1.709	1.621	88

KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024: DỰ ÁN 9 - TIÊU DỰ ÁN 2: GIÁM THIỀU TỈNH TRẠNG TẢO HỒN VÀ HỒN NHÂN CẬN HUYẾT THÔNG TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

(Kèm theo Tờ trình số 1994/TT-Tr-UBND ngày 05/12/2023 của UBND huyện Ia Pa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đề xuất đơn vị thực hiện	Vốn sự nghiệp										Năm 2024			
		1. Tiêu chí Tỷ lệ tảo hôn + Tỷ lệ hôn nhân cận huyết (5đ/1%)		2. Tiêu chí xã khu vực I (1đ/xã)		3. Tiêu chí Xã khu vực II (1,5đ/xã)		4. Tiêu chí Xã khu vực III (3đ/xã)		5. Tiêu chí Mô hình điểm thực hiện (2đ/mô hình)		Tổng vốn	NSTW	NS huyện	
		Số lượng (%)	Điểm	Số lượng (xã)	Điểm	Số lượng (xã)	Điểm	Số lượng (xã)	Điểm	Số lượng (mô hình)	Điểm				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Tổng cộng		212,00	38,80	194,00	3,00	3,00	2,00	3,00	4,00	12,00	0	0	312	298	14
1	Phòng Dân tộc	212,00	38,8	194,00	3	3,00	2	3,00	4	12,00	0	0	312	298	14

KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024: DỰ ÁN 10 - TIÊU DỤ ÁN 1: BIỂU DƯƠNG, TÓN VINH ĐIỂN HÌNH TIÊN TIẾN, PHÁT HUY VAI TRÒ NGƯỜI CÓ UY TÍN; PHÓ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT, TRỢ GIÚP PHÁP LÝ VÀ ĐỀ ÁN TÓNG THÈ VÀ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐÔNG BẢO DTTS&MN

(Kèm theo Tờ trình số 194/TTtr-UBND ngày 05/12/2023 của UBND huyện Ia Pa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Các đơn vị	Vốn sự nghiệp		Năm 2024		
		1. Tiêu chí Xã thuộc vùng đồng bào DTTS&MN (27đ/xã)		Tổng vốn	NSTW	NS huyện
		Số lượng (xã)	Điểm			
1	2	3	4	5	6	7
Tổng cộng		9	243	342	322	20
1	Phòng Dân tộc	9	243	171	161	10
2	Phòng Tư Pháp			171	161	10

KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024: DỰ ÁN 10 - TIÊU DỤ ÁN 2: ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ ĐẢM BẢO AN NINH TRẬT TỰ VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN

(Kèm theo Tờ trình số 194/TTr-UBND ngày 05/12/2023 của UBND huyện Ia Pa).

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đề xuất đơn vị thực hiện	Vốn sự nghiệp						Năm 2024		
		Tổng số điểm theo tiêu chí	1. Tiêu chí xã ĐBKK thuộc vùng đồng bào DTTS&MN (30đ/xã)		2. Tiêu chí thôn ĐBKK không thuộc xã KV III (0,5đ/thôn)		Tổng vốn	NSTW	NS huyện	
			Số lượng (xã)	Điểm	Số lượng (thôn)	Điểm				
1		3	4	5	6	7	8	9	10	
	Tổng số	124,00	4,00	120,00	8,00	4,00	64	64	-	
1	Phòng Văn hóa và Thông tin	124,00	4	120,00	8	4,00	64	64	-	

**KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024: DỰ ÁN 10 - TIÊU DỰ ÁN 3: KIỂM TRA, GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ, ĐÀO TẠO,
TẬP HUẤN TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

(Kèm theo Tờ trình số 194 /TTr-UBND ngày 05/12/2023 của UBND huyện Ia Pa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Các đơn vị	Vốn sự nghiệp								Năm 2023		
		Tổng số điểm theo tiêu chí	1. Tiêu chí Mỗi xã khu vực III 5đ		2. Tiêu chí Mỗi xã khu vực II 2đ		3. Tiêu chí Mỗi xã khu vực I 1đ		Tổng vốn	NST W	NS huyện	
			Số lượng (xã)	Điểm	Số lượng (xã)	Điểm	Số lượng (xã)	Điểm				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
	Tổng số	27,00	4,00	20,00	2,00	4,00	3,00	3,00	85	80	5	
1	Phòng Dân tộc	27,00	4	20,00	2	4,00	3	3,00	85	80	5	

Số: /NQ-HĐND

Ia Pa, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Phân bổ vốn sự nghiệp năm 2024 thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN IA PA
KHÓA V - KỲ HỌP THỨ MƯỜI LĂM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2023 của UBND tỉnh về phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện các Chương trình MTQG năm 2024;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày /12/2023 của UBND huyện về việc phân bổ vốn sự nghiệp năm 2024 thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND huyện tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ nguồn vốn sự nghiệp năm 2024 thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 14.002 triệu đồng. Trong đó:

- Vốn NSTW: 13.117 triệu đồng.
- Vốn ngân sách huyện (nguồn sự nghiệp kinh tế): 885 triệu đồng.

(Chi tiết có các biểu phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai Nghị quyết này đúng quy định.

- Giao Thường trực HĐND huyện, các Ban HĐND và Đại biểu HĐND huyện theo dõi, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND huyện khóa V - Kỳ họp thứ Mười lăm thông qua ngày tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở KH&ĐT (b/c);
- TT Huyện ủy, TT HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- UBMTTQVN huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện khoá V;
- Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc huyện;
- TT Đảng ủy, HĐND, UBND các xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Rah Lan H' Dry

BẢNG TỔNG HỢP PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN DTTS&MN NĂM 2024 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2023 của HĐND huyện Ia Pa)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên Dự án	Tổng vốn sự nghiệp	Trong đó	
			NSTW	NS huyện
Tổng kinh phí		14.002	13.117	885
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	3.294	3.294	-
1.1	Nội dung 3: Hỗ trợ chuyển đổi nghề	2.610	2.610	-
1.2	Nội dung 4: Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	684	684	-
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở những nơi cần thiết (Dự án sắp xếp, bố trí ổn định dân cư xã Pờ Tô)	87	87	-
3	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	5.062	4.833	229
3.1	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	589	589	-
3.2	Tiểu dự án 2 - Nội dung 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	3.952	3.770	182
3.3	Tiểu dự án 2 - Nội dung 3: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN	521	474	47
4	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN	1.113	811	302
4.1	Tiểu dự án 1 - Nội dung 1: Đầu tư CSHT thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng ĐB DTTS&MN	1.113	811	302
5	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	1.934	1.707	227
5.1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông cơ học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS	804	577	227
5.2	Tiểu dự án 2 - Nội dung 1: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	300	300	-
5.3	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	830	830	-
6	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	1.709	1.621	88
7	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù	312	298	14
7.1	Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN	312	298	14
8	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	491	466	25
8.1	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng ĐB DTTS&MN	342	322	20
8.2	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN	64	64	-
8.3	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	85	80	5

**PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ
- XÃ HỘI VÙNG ĐÔNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2024**
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2023 của HĐND huyện Ia Pa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đề xuất đơn vị thực hiện	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt				Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở những nơi cần thiết										
		Tổng cộng Dự án 1 (Phụ lục số 07)		Nội dung 3: Hỗ trợ chuyên ngành nghề		Nội dung 4: Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán		Dự án sắp xếp, bố trí ổn định dân cư xã Pờ Tô (Phụ lục 08)								
		Tổng vốn	NSTW huyện	NS huyện	Tổng vốn	NSTW huyện	NS huyện	Tổng vốn	NSTW huyện	NS huyện						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	Tổng cộng I+II	6.675	6.675	-	3.294	3.294	-	2.610	2.610	-	684	684	-	87	87	-
I	Các đơn vị cấp huyện	87	87	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	87	87	-
1	Ban QLDA đầu tư XD huyện	87	87	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	87	87	-
II	UBND các xã	6.588	6.588	-	3.294	3.294	-	2.610	2.610	-	684	684	-	-	-	-
1	Pờ Tô	1.740	1.740	-	870	870	-	690	690	-	180	180	-	-	-	-
2	Chư Răng	378	378	-	189	189	-	150	150	-	39	39	-	-	-	-
3	Kim Tân	150	150	-	75	75	-	60	60	-	15	15	-	-	-	-
4	Ia Mron	404	404	-	202	202	-	160	160	-	42	42	-	-	-	-
5	Ia Trok	984	984	-	492	492	-	390	390	-	102	102	-	-	-	-
6	Ia Broai	860	860	-	430	430	-	340	340	-	90	90	-	-	-	-
7	Ia Tul	280	280	-	140	140	-	110	110	-	30	30	-	-	-	-
8	Chư Mố	880	880	-	440	440	-	350	350	-	90	90	-	-	-	-
9	Ia Kdăm	912	912	-	456	456	-	360	360	-	96	96	-	-	-	-

**PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÙNG ĐÔNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HEND ngày /12/2023 của HĐND huyện Ia Pa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đề xuất đơn vị thực hiện (xã)	Tổng cộng Dự án 3, 4			Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị												Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN		
		Tổng vốn	NSTW	NS huyện	Tổng vốn	NSTW	NS huyện	Tổng vốn	NSTW	NS huyện	Tổng vốn	NSTW	NS huyện	Tổng vốn	NSTW	NS huyện			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	Tổng cộng	6.175	5.644	531	5.062	4.833	229	589	589	-	3.952	3.770	182	521	474	47	1.113	811	302
1	Rờ Tô	1.199	1.108	91	993	958	35	225	225	-	768	733	35	-	-	-	206	150	56
2	Chư Răng	992	907	85	797	765	32	97	97	-	700	668	32	-	-	-	195	142	53
3	Kim Tân	312	281	31	237	226	11	-	-	-	237	226	11	-	-	-	75	55	20
4	Ia Mron	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5	Ia Trok	624	561	63	474	452	22	-	-	-	474	452	22	-	-	-	150	109	41
6	Ia Broai	976	884	92	770	734	36	-	-	-	770	734	36	-	-	-	206	150	56
7	Ia Tul	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8	Chư Mố	312	281	31	237	226	11	-	-	-	237	226	11	-	-	-	75	55	20
9	Ia Kdam	1.760	1.622	138	1.554	1.472	82	267	267	-	766	731	35	521	474	47	206	150	56

**PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÙNG ĐÔNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2023 của HĐND huyện Ia Pa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đề xuất đơn vị thực hiện (cấp huyện)	Tổng cộng Dự án 9,			Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù			Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình			Tiêu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng ĐB DTTS&MN (Phụ lục số 18)			Tiêu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN (Phụ lục số 19)			Tiêu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình (Phụ lục số 20)					
		Tổng vốn	NSTW huyện	NS huyện	Tổng vốn	NSTW	NS huyện	Tổng vốn	NSTW	NS huyện	Tổng vốn	NSTW	NS huyện	Tổng vốn	NSTW	NS huyện	Tổng vốn	NSTW	NS huyện			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
Tổng cộng		803	764	39	312	298	14	312	298	14	491	466	25	342	322	20	64	64	-	85	80	5
1	Phòng Dân tộc	568	539	29	312	298	14	312	298	14	256	241	15	171	161	10	-	-	-	85	80	5
2	Phòng Tư Pháp	171	161	10	-	-	-	-	-	-	171	161	10	171	161	10	-	-	-	-	-	-
3	Phòng Văn hoá và Thông tin	64	64	-	-	-	-	-	-	-	64	64	-	-	-	-	64	64	-	-	-	-

**KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024: DỰ ÁN 1: GIẢI QUYẾT TÌNH TRẠNG THIẾU ĐẤT Ở, NHÀ Ở,
ĐẤT SẢN XUẤT, NƯỚC SINH HOẠT**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2023 của HĐND huyện Ia Pa)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Đề xuất đơn vị thực hiện (xã)	Vốn sự nghiệp TW					
		1. Hỗ trợ chuyển đổi nghề (TW10 trđ/hộ, vay vốn tối đa 100tr/hộ)		2. Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán (TW 3 trđ/hộ)		Vốn sự nghiệp TW	
		Số lượng (hộ)	Vốn sự nghiệp	Số lượng (hộ)	Vốn sự nghiệp		
1	2	3	4	5	6	7	
	Tổng cộng	261	2.610	228	684	3.294	
1	Pờ Tô	69	690	60	180	870	
2	Chư Răng	15	150	13	39	189	
3	Kim Tân	6	60	5	15	75	
4	Ia Mron	16	160	14	42	202	
5	Ia Trok	39	390	34	102	492	
6	Ia Broái	34	340	30	90	430	
7	Ia Tul	11	110	10	30	140	
8	Chư Mố	35	350	30	90	440	
9	Ia Kdám	36	360	32	96	456	

**KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024: DỰ ÁN 2: QUY HOẠCH, SẮP XẾP,
BỐ TRÍ ÔN ĐỊNH DÂN CƯ Ở NHỮNG NƠI CẦN THIẾT**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2023 của HĐND huyện Ia Pa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đề xuất đơn vị thực hiện	Danh mục/phương án	Năm 2024		
			Tổng vốn	NSTW	NS huyện
1	2	3	4	5	6
	Tổng cộng		87	87	0
1	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Dự án sắp xếp, bố trí ổn định dân cư xã Pờ Tô	87	87	0

KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024: DỰ ÁN 3 - TIÊU DỤ ÁN 1: PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG, LÂM NGHIỆP BỀN VỮNG GẦN VỚI BẢO VỆ RỪNG VÀ NÂNG CAO THU NHẬP CHO NGƯỜI DÂN

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2023 của HĐND huyện Ia Pa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đề xuất đơn vị thực hiện (xã)	Vốn sự nghiệp										Năm 2024					
		Tổng số điểm theo tiêu chí	1. Tiêu chí hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ (0,004đ/ha)		2. Tiêu chí hỗ trợ bảo vệ rừng quy hoạch rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình (0,004đ/ha)		3. Tiêu chí hỗ trợ khai hoang, trồng rừng bổ sung (0,016đ/ha)		4. Tiêu chí hỗ trợ trồng rừng sản xuất, khai thác kinh tế dưới tán rừng và phát triển LSNG (0,1đ/ha)		5. Tiêu chí hỗ trợ trồng rừng phòng hộ (0,3đ/ha)		6. Tiêu chí hỗ trợ cấp nghề tham gia trồng rừng sản xuất, phát triển LSNG, rừng phòng hộ (0,12đ/tấn gạo)		NSTW	NS huyện	
			Số lượng (ha)	Điểm	Số lượng (ha)	Điểm	Số lượng (ha)	Điểm	Số lượng (ha)	Điểm	Số lượng (ha)	Điểm	Số lượng (tấn gạo)	Điểm			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	Tổng cộng	5,887	40,00	0,16	803,65	3,215	-	-	10,0	1,0	-	-	12,600	1,512	589	589	-
1	Pờ Tô	2,247	-	-	561,66	2,247	-	-	-	-	-	-	-	-	225	225	-
2	Chư Răng	0,968	-	-	241,99	0,968	-	-	-	-	-	-	-	-	97	97	-
3	Kim Tân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Ia Mron	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5	Ia Trok	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6	Ia Broãi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Ia Tul	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8	Chư Mố	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
9	Ia Kđam	2,672	40,000	0,160	-	-	-	-	10,0	1,0	-	-	12,600	1,512	267	267	-

**KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024: DỰ ÁN 3 - TIÊU DỰ ÁN 2- NỘI DUNG 1:
HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2023 của HĐND huyện Ia Pa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Đề xuất đơn vị thực hiện (xã)	Vốn sự nghiệp						Năm 2024			
		Tổng số điểm theo tiêu chí	1. Tiêu chí xã ĐBK (28điểm/xã)		2. Tiêu chí thôn ĐBK (5điểm/xã)		Tiêu chí ưu tiên: tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBK (0,15điểm/1%)		Tổng vốn	NSTW	NS huyện
			Số lượng (xã)	Điểm	Số lượng (xã)	Điểm	Số lượng (xã)	Điểm			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng cộng	166,91	4,00	112,00	8,00	40,00	99,38	14,91	3.952	3.770	182
1	Pờ Tô	32,45	1	28	-	-	29,64	4,45	768	733	35
2	Chư Răng	29,58	1	28	-	-	10,54	1,58	700	668	32
3	Kim Tân	10,00	-	-	2	10	-	-	237	226	11
4	Ia Mron	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5	Ia Trok	20,00	-	-	4	20	-	-	474	452	22
6	Ia Broãi	32,52	1	28	-	-	30,13	4,52	770	734	36
7	Ia Tul	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8	Chư Mố	10,00	-	-	2	10	-	-	237	226	11
9	Ia Kdăm	32,36	1	28	-	-	29,07	4,36	766	731	35

**KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024: DỰ ÁN 3 -TIÊU DỰ ÁN 2 - NỘI DUNG 3:
THỨC ĐÁY KHỎI SỰ KINH DOANH, KHỎI NGHIỆP VÀ THU HÚT ĐẦU TƯ VÙNG ĐÔNG BÀO ĐTT&MN**
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2023 của HĐND huyện Ia Pa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đề xuất đơn vị thực hiện (xã)	Vốn sự nghiệp						Năm 2024			
		Tổng số điểm theo tiêu chí	1. Tiêu chí xã ĐBKK (28điểm/xã)		2. Tiêu chí thôn ĐBKK (5điểm/xã)		Tiêu chí ưu tiên: tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK (0,15điểm/1%)		Tổng vốn	NSTW	NS huyện
			Số lượng (xã)	Điểm	Số lượng (xã)	Điểm	Số lượng (xã)	Điểm			
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng cộng	32,36	1,00	28,00	-	-	29,07	4,36	521	474	47
1	Ia Kdăm	32,36	1	28	-	-	29,07	4,36	521	474	47

**KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024: DỰ ÁN 4 - TIÊU DỰ ÁN 1-NỘI DUNG 1: ĐÀU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU,
PHỤC VỤ SẢN XUẤT ĐÒI SỐNG TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI**
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2023 của HĐND huyện Ia Pa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đề xuất đơn vị thực hiện (xã)	Vốn sự nghiệp										Năm 2024		
		Tổng số điểm theo tiêu chí	1. Tiêu chí xã ĐBKK (9điểm/xã)		2. Tiêu chí thôn ĐBKK (1,8điểm/xã)		3. Tiêu chí ưu tiên: tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK (0,03điểm/1%)		Tổng vốn	NSTW	NS huyện			
		Số lượng (xã)	Điểm	Số lượng (xã)	Điểm	Số lượng (xã)	Điểm	Số lượng (xã)	Điểm					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12			
	Tổng cộng	53,38	4,00	36,00	8,00	14,40	99,38	2,98	1.113	811	302			
1	Pờ Tô	9,89	1,00	9,00	-	-	29,64	0,89	206	150	56			
2	Chư Răng	9,32	1,00	9,00	-	-	10,54	0,32	195	142	53			
3	Kim Tân	3,60	-	-	2,00	3,60	-	-	75	55	20			
4	Ia Mron	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
5	Ia Trok	7,20	-	-	4,00	7,20	-	-	150	109	41			
6	Ia Broãi	9,90	1,00	9,00	-	-	30,13	0,90	206	150	56			
7	Ia Tul	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
8	Chư Mố	3,60	-	-	2,00	3,60	-	-	75	55	20			
9	Ia Kdăm	9,87	1,00	9,00	-	-	29,07	0,87	206	150	56			

KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024: DỰ ÁN 5 - TIÊU DỰ ÁN 1: ĐỔI MỚI HOẠT ĐỘNG, CÙNG CỐ PHÁT TRIỂN CÁC TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC BÁN TRÚ, TRƯỜNG PHỔ THÔNG CÓ HỌC SINH Ở BÁN TRÚ VÀ XÓA MÙ CHỮ CHO NGƯỜI DÂN VÙNG ĐÔNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HEND ngày /12/2023 của HĐND huyện Ia Pa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đề xuất đơn vị thực hiện	Vốn sự nghiệp										Năm 2024		
		Tổng số điểm theo tiêu chí	1. Tiêu chí Mỗi người học xóa mù chữ 0,5đ		2. Tiêu chí Mỗi lớp học xóa mù chữ 10đ		3. Tiêu chí Mỗi bộ TL, SGK, VPP phát cho người học 0,05đ		4. Tiêu chí Mỗi đơn vị mua sắm trang thiết bị 500đ		Tổng vốn	NSTW	NS huyện	
			Số lượng (người)	Điểm	Số lượng (lớp)	Điểm	Số lượng (bộ)	Điểm	Số lượng (đơn vị)	Điểm				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
Tổng cộng		254,55	281,00	140,50	10,00	100,00	281,00	14,05	1	500	804	577	227	
1	Trường THCS Dân tộc Nội trú huyện	0	0	0	0	0	0	0	1	500	227	0	227	
2	Phòng Giáo dục và Đào tạo	254,55	281,00	140,50	10,00	100,00	281,00	14,05	0	0	577	577	0	

KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024: DỰ ÁN 5 - TIÊU DỤ 2 - NỘI DUNG 1: BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC DÂN TỘC

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2023 của HĐND huyện Ia Pa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đề xuất đơn vị thực hiện	Vốn sự nghiệp				Năm 2024		
		Tổng số điểm theo tiêu chí	1. Tiêu chí vùng đồng bào DTTS&MN (0,204đ/xã)	Số lượng (xã)	Điểm	Tổng vốn	NSTW	NS huyện
1	2	3	4	5	6	7	8	
	Tổng cộng	1,84	9	1,84	300	300	-	
1	Phòng Dân tộc	1,84	9	1,84	300	300	-	

**KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024: DỰ ÁN 5 - TIÊU DỰ ÁN 4 : ĐÀO TẠO NÂNG CAO NĂNG LỰC CHO CỘNG ĐỒNG
VÀ CÁN BỘ TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH Ở CÁC CẤP**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2023 của HĐND huyện Ia Pa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đề xuất đơn vị thực hiện	Vốn sự nghiệp						Năm 2024		
		Tổng số điểm theo tiêu chí	1. Tiêu chí xã ĐBKK (15đ/xã)		2. Tiêu chí thôn ĐBKK không thuộc xã KV III (1,5đ/thôn)		Tổng vốn	NSTW	NS huyện	
			Số lượng (xã)	Điểm	Số lượng (thôn)	Điểm				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
Tổng cộng		72	4	60,00	8	12,00	830	830	-	
1	Phòng Dân tộc	72	4	60,00	8	12,00	830	830	-	

**KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024; DỰ ÁN 8: THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ GIẢI QUYẾT
NHỮNG VẤN ĐỀ CẤP THIẾT ĐỐI VỚI PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2023 của HĐND huyện Ia Pa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đề xuất đơn vị thực hiện	Vốn sự nghiệp						Năm 2024			
		Tổng số điểm theo tiêu chí	1. Tiêu chí xã ĐBKK (10đ/xã)		2. Tiêu chí thôn ĐBKK không thuộc xã KV III (2đ/thôn)		3. Tiêu chí xã ĐBKK đồng thời là xã BG (1đ/xã)		Tổng vốn	NSTW	NS huyện
			Số lượng (xã)	Điểm	Số lượng (thôn)	Điểm	Số lượng (xã)	Điểm			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng cộng	56,00	4,00	40,00	8,00	16,00	0	0	1.709	1.621	88
1	Hội LH Phụ nữ huyện	56,00	4	40,00	8	16,00	0	0	1.709	1.621	88

KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024: DỰ ÁN 9 - TIỂU DỰ ÁN 2: GIẢM THIỂU TÌNH TRẠNG TẢO HỒN VÀ HỒN NHÂN CẬN HUYẾT TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2023 của HĐND huyện Ia Pa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đề xuất đơn vị thực hiện	Vốn sự nghiệp										Năm 2024			
		1. Tiêu chí Tỷ lệ tảo hôn + Tỷ lệ hôn nhân cận huyết (5đ/1%)		2. Tiêu chí xã khu vực I (1đ/xã)		3. Tiêu chí xã khu vực II (1,5đ/xã)		4. Tiêu chí xã khu vực III (3đ/xã)		5. Tiêu chí Mô hình điểm thực hiện (2đ/mô hình)		Tổng vốn	NSTW	NS huyện	
		Số lượng (%)	Điểm	Số lượng (xã)	Điểm	Số lượng (xã)	Điểm	Số lượng (xã)	Điểm	Số lượng (mô hình)	Điểm				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Tổng cộng		212,00	38,80	194,00	3,00	3,00	2,00	3,00	4,00	12,00	0	0	312	298	14
1	Phòng Dân tộc	212,00	38,8	194,00	3	3,00	2	3,00	4	12,00	0	0	312	298	14

KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024: DỰ ÁN 10 - TIÊU DỰ ÁN 1: BIỂU DƯƠNG, TÔN VINH ĐIỂN HÌNH TIÊN TIẾN, PHÁT HUY VAI TRÒ NGƯỜI CÓ UY TÍN; PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT, TRỢ GIÚP PHÁP LÝ VÀ ĐỀ ÁN TÔNG THỂ VÀ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐÔNG BÀO DTTS&MN

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2023 của HĐND huyện Ia Pa)

STT	Các đơn vị	Vốn sự nghiệp		Năm 2024		
		1. Tiêu chí Xã thuộc vùng đồng bào DTTS&MN (27đ/xã)	Điểm	Tổng vốn	NSTW	NS huyện
		Số lượng (xã)				
1	2	3	4	5	6	7
Tổng cộng		9	243	342	322	20
1	Phòng Dân tộc	9	243	171	161	10
2	Phòng Tư Pháp			171	161	10

Đơn vị tính: Triệu đồng

KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024: DỰ ÁN 10 - TIÊU DỤ ÁN 2: ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ ĐẢM BẢO AN NINH TRẬT TỰ VÙNG ĐỒNG BẢO DTTS&MN

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2023 của HĐND huyện Ia Pa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đề xuất đơn vị thực hiện	Vốn sự nghiệp						Năm 2024		
		Tổng số điểm theo tiêu chí	1. Tiêu chí xã ĐBKK thuộc vùng đồng bào DTTS&MN (30đ/xã)		2. Tiêu chí thôn ĐBKK không thuộc xã KV III (0,5đ/thôn)		Tổng vốn	NSTW	NS huyện	
			Số lượng (xã)	Điểm	Số lượng (thôn)	Điểm				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
Tổng số		124,00	4,00	120,00	8,00	4,00	64	64	-	
1	Phòng Văn hóa và Thông tin	124,00	4	120,00	8	4,00	64	64	-	

**KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024: DỰ ÁN 10 - TIỂU DỰ ÁN 3: KIỂM TRA, GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ, ĐÀO TẠO,
TẬP HUẤN TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2023 của HĐND huyện Ia Pa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Các đơn vị	Vốn sự nghiệp						Năm 2023			
		Tổng số điểm theo tiêu chí	1. Tiêu chí Mỗi xã khu vực III 5đ		2. Tiêu chí Mỗi xã khu vực II 2đ		3. Tiêu chí Mỗi xã khu vực I 1đ		Tổng vốn	NST W	NS huyện
			Số lượng (xã)	Điểm	Số lượng (xã)	Điểm	Số lượng (xã)	Điểm			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng số	27,00	4,00	20,00	2,00	4,00	3,00	3,00	85	80	5
1	Phòng Dân tộc	27,00	4	20,00	2	4,00	3	3,00	85	80	5